

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH ĐO ĐẠC, BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH (MRV) GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH CHO DOANH NGHIỆP

Tháng 7 năm 2024

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Tài liệu này được thực hiện với hỗ trợ từ nhân dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm duy nhất của RCEE-NIAS và không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC HÌNH	1
DANH MỤC BẢNG	1
1. MỤC ĐÍCH CỦA TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN	2
2. GIỚI THIỆU VỀ MRV	3
2.1. Tổng quan	3
2.2. Tổng quan về MRV	3
3. CÁC HƯỚNG DẪN/NGUYÊN TẮC VỀ MRV HIỆN HÀNH	5
3.1. Các cơ chế, quy định quốc tế về quy trình MRV cấp cơ sở	5
3.2. Khung chính sách hiện hành tại Việt Nam liên quan đến MRV	9
4. HƯỚNG DẪN ĐO ĐẠC CHO DOANH NGHIỆP	12
4.1. Bước 1: Thiết lập ranh giới tổ chức/doanh nghiệp	12
4.2. Bước 2: Thiết lập phạm vi hoạt động	14
4.3. Bước 3: Tính toán lượng phát thải và giảm phát thải KNK	15
4.4. Bước 4. Quản lý chất lượng	19
4.5. Bước 5: Theo dõi/giám sát lượng khí thải theo thời gian	21
5. QUY ĐỊNH VỀ BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH TẠI VIỆT NAM	24
5.1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	24
5.2. Khung báo cáo theo Nghị định 06/NĐ-CP/2022	25
5.3. Quy định về thẩm định theo Nghị định 06 và Thông tư 01	25

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CO ₂	Các-bon đi-ô-xít
GHG Protocol	Greenhouse Gas Protocol
IPCC	Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu
KNK	Khí nhà kính
MRV	Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
NDC	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
tCO ₂ e	Tấn CO ₂ tương đương
UNFCCC	Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu
WBCSD	Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
MOIT	Bộ Công Thương
UNFCCC	Công ước khung Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu
COP	Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu
UN	Liên hợp quốc
ISO	Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế
ETF	Khung minh bạch nâng cao
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường

DANH MỤC HÌNH

HÌNH 1. CÁC BƯỚC CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG MRV	4
HÌNH 2. TỔNG QUAN VỀ PHẠM VI VÀ PHÁT THẢI KNK (THAM KHẢO: - TRANG 5)	7
HÌNH 3. VÍ DỤ VỀ RANH GIỚI CỦA MỘT TỔ CHỨC/CƠ SỞ	12
HÌNH 4. VÍ DỤ VỀ RANH GIỚI THEO CHIA SẼ VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
HÌNH 5. VÍ DỤ VỀ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH	14
HÌNH 6. VÍ DỤ VỀ KIỂM SOÁT VẬN HÀNH HOẠT ĐỘNG	14
HÌNH 7. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG KIỂM KÊ KNK	19
HÌNH 8. VÍ DỤ VỀ CÁCH CHỌN NĂM CƠ SỞ	21
HÌNH 9. VÍ DỤ VỀ TÍNH TOÁN LẠI NĂM CƠ SỞ (1)	22
HÌNH 10. VÍ DỤ VỀ TÍNH TOÁN LẠI NĂM CƠ SỞ (2)	23

DANH MỤC BẢNG

BẢNG 1: NGHỊ ĐỊNH SỐ 06/2022/NĐ-CP	10
BẢNG 2: THU THẬP SỐ LIỆU VẬN HÀNH VÀ HỆ SỐ PHÁT THẢI	15

1. MỤC ĐÍCH CỦA TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Tài liệu này cung cấp hướng dẫn cho các ngành công nghiệp Việt Nam về cách thực hiện MRV đối với phát thải khí nhà kính và giảm phát thải KNK cấp doanh nghiệp. Tài liệu hướng dẫn được xây dựng nhằm:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về các quy trình và nguyên tắc MRV.
- Chia sẻ các bước và quy trình phát triển hệ thống báo cáo KNK cấp doanh nghiệp.
- Mô tả các thực tiễn MRV hàng đầu, bao gồm các định dạng và mô hình thể chế.
- Nhấn mạnh các cách để đảm bảo sự nhất quán với các tiêu chuẩn quốc tế về ước tính phát thải khí thải nhà kính
- Đưa ra các tùy chọn để mở rộng và phát triển các thực tiễn MRV đến các cơ chế thị trường carbon và các hệ thống khác tại Việt Nam được thiết kế để quản lý khí thải nhà kính.

Hướng dẫn được chia thành bốn phần:

1. **Đánh giá các hướng dẫn và nguyên tắc MRV hiện có** mà các doanh nghiệp có thể nghiên cứu và triển khai cho hệ thống MRV của mình.
2. **Tóm tắt các quy định hiện hành về MRV tại Việt Nam.**
3. **Hướng dẫn đo lường cho các doanh nghiệp, nêu rõ các bước quan trọng trong quy trình MRV.** Hướng dẫn này dựa trên tài liệu 'The Greenhouse Gas Protocol (GHG Protocol)' và đưa ra các đề xuất về cách phù hợp với yêu cầu báo cáo khí thải nhà kính tại Việt Nam.
4. **Hướng dẫn báo cáo và thẩm định cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.** Các doanh nghiệp được khuyến nghị tuân theo hướng dẫn do Chính phủ Việt Nam cung cấp, vì các quy định trong nước về báo cáo và thẩm định đã khá hoàn thiện.

Hướng dẫn này được thiết kế để giúp các chuyên gia Việt Nam phụ trách quản lý khí thải nhà kính ở cấp doanh nghiệp thiết lập một hệ thống MRV vững chắc, phù hợp với các yêu cầu quốc gia và quốc tế.

2. GIỚI THIỆU VỀ MRV

2.1. Tổng quan

Vào năm 1994, Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) có hiệu lực¹, đặt nền móng cho một hệ thống báo cáo về biến đổi khí hậu trên toàn quốc. Là một phần của khuôn khổ này, các quốc gia phải báo cáo khí thải nhà kính quốc gia của họ theo nguồn và mức giảm. Ngoài ra, họ phải nêu rõ các hành động đang thực hiện để giảm thiểu khí thải và đánh giá tiến độ đạt được các mục tiêu toàn cầu.

Khái niệm MRV được giới thiệu vào khuôn khổ UN trong Kế hoạch Hành động Bali được thông qua bởi Hội nghị các bên (COP) vào năm 2007². Hướng dẫn bổ sung từ UNFCCC và Thỏa thuận Paris năm 2015 sau đó đã được đưa ra nhằm làm cho hệ thống thu thập dữ liệu khí thải nhà kính từ các quốc gia hiệu quả và hiệu quả hơn. Các ví dụ liên quan bao gồm 'Quyết định 1/CP.13 Kế hoạch Hành động Bali'³ và 'Quyết định 21/CP.19 về hướng dẫn chung cho việc đo lường, báo cáo và thẩm định trong nước đối với các hành động giảm thiểu phù hợp quốc gia được hỗ trợ trong nước bởi các Bên nước đang phát triển'⁴.

Trong bối cảnh Việt Nam, MRV đóng vai trò quan trọng thông qua Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) được nộp vào năm 2022⁵. NDC mới nhất đã thấy Việt Nam nâng cao tham vọng giảm phát thải khí nhà kính lên 9% và 27% so với mức cơ sở năm 2014 thông qua hỗ trợ có điều kiện và không điều kiện tương ứng. Việt Nam dự kiến sẽ cung cấp các báo cáo cập nhật hai năm một lần cho UNFCCC, bao gồm các cập nhật về kiểm kê khí nhà kính quốc gia và thông tin về các hành động giảm thiểu, nhu cầu và hỗ trợ nhận được. Phù hợp với NDC của mình, Chính phủ Việt Nam đã tích hợp MRV vào các chiến lược giảm thiểu khí nhà kính cho các công ty Việt Nam. Theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định việc giảm thiểu khí nhà kính và bảo vệ tầng ozone (Nghị định 06)⁶, các ngành phát thải khí nhà kính phải thực hiện các giải pháp giảm thiểu khí thải và chịu trách nhiệm thực hiện, báo cáo và chứng nhận giảm phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý của họ. Trong bối cảnh này, hệ thống MRV trở nên quan trọng đối với các cơ sở khi họ có nghĩa vụ giám sát và báo cáo lượng phát thải và giảm thiểu cho chính phủ.

2.2. Tổng quan về MRV

Trong bối cảnh tính toán phát thải KNK cấp quốc gia, MRV thường đề cập đến việc theo dõi phát thải ở cấp ngành, chẳng hạn như năng lượng, quy trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm, chất thải, nông nghiệp, lâm nghiệp và các mục đích sử dụng đất khác. MRV cấp ngành thường dựa trên dữ liệu thống kê để thông báo xu hướng tăng phát thải và cũng giúp đánh giá hiệu quả của các chính sách và hoạt động giảm nhẹ cấp ngành.

Ở cấp độ doanh nghiệp, MRV dựa trên lượng phát thải khí nhà kính của các doanh nghiệp cụ thể (một hoặc nhiều cơ sở) như nhà máy sản xuất hoặc nhà máy điện. Hệ thống này cho phép chủ doanh nghiệp và các bên liên quan theo dõi lượng phát thải khí nhà kính từ các

¹ Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu <https://unfccc.int/process-and-meetings/what-is-the-united-nations-framework-convention-on-climate-change>

² Tài liệu về MRV cho các quốc gia đang phát triển, UNFCCC (2014). Truy cập tại: [non-annex_i_mrv_handbook.pdf](https://unfccc.int/annex_i_mrv_handbook.pdf) (unfccc.int)

³ https://www.ciesin.columbia.edu/repository/entri/docs/cop/FCCC_COP13_dec001.pdf

⁴ <https://unfccc.int/decisions?f%5B0%5D=session%3A3938>

⁵ NDC Việt Nam 2022. Truy cập tại:

https://unfccc.int/documents/622541?gad_source=1&gclid=CjwKCAjwp4m0BhBAEiwAsdc4aHDrQavFKhBBQ8X1VHoh2UPUHTEPPL6zemp_j3U0vOdZCoGlcsna5RoCu_kQAvD_BwE

⁶ <https://faolex.fao.org/docs/pdf/vie212269.pdf>

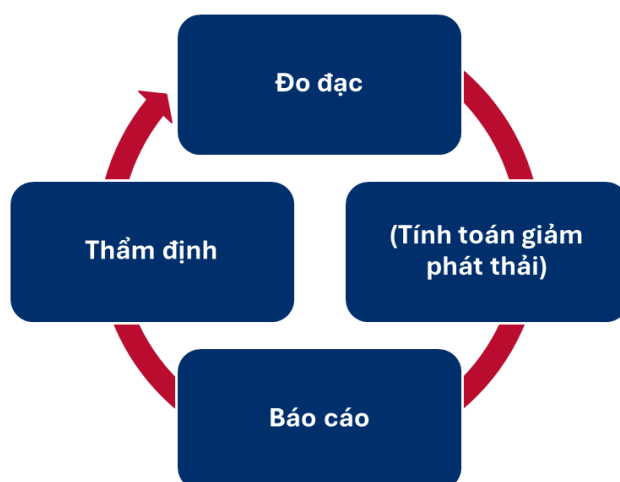
hoạt động kinh tế và đánh giá các lộ trình tiềm năng để giảm phát thải. Trong một số trường hợp, MRV đã được sử dụng để đánh giá mức giảm phát thải từ một dự án cụ thể trong doanh nghiệp, chẳng hạn như các dự án được phát triển theo Cơ chế phát triển sạch (CDM)⁷ và các chương trình carbon tự nguyện khác như Tiêu chuẩn Carbon được thẩm tra (VCS)⁸ và Tiêu chuẩn vàng (Gold Standard)⁹.

Gần đây hơn, các doanh nghiệp đã bắt đầu đánh giá dấu chân các-bon, thể hiện phát thải khí nhà kính của mình bằng cách sử dụng các hướng dẫn tự nguyện như The Greenhouse Gas Protocol¹⁰, Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) 14064-1:2018¹¹ và hướng dẫn kiểm kê quốc gia của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC)¹² để đáp ứng nhiều yêu cầu khác nhau về công bố báo cáo kiểm kê KNK (ví dụ: bởi các sàn giao dịch chứng khoán, cổ đông và đơn vị thu mua).

Các giai đoạn đơn giản hóa của hệ thống MRV được mô tả dưới đây và minh họa trong Hình 1:

- **Đo đạc** là hoạt động thu thập dữ liệu từ ranh giới của doanh nghiệp như dữ liệu liên quan đến tiêu thụ nhiên liệu, sản xuất hoặc tiêu thụ điện.
- **Báo cáo** là hoạt động tính toán, tổng hợp và biên soạn báo cáo phát thải khí nhà kính theo các tiêu chuẩn tự nguyện, ví dụ ISO 14064-1:2018 và Nghị định thư về khí nhà kính hoặc các yêu cầu pháp lý.
- **Thẩm định** là hoạt động kiểm tra và báo cáo kết quả từ báo cáo phát thải khí nhà kính. Báo cáo thẩm định được gửi đến doanh nghiệp nếu công ty tự nguyện thực hiện kiểm kê phát thải KNK hoặc được cấp cho cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu pháp lý.

Hình 1. Các bước cơ bản của hệ thống MRV



⁷<https://unfccc.int/process-and-meetings/the-kyoto-protocol/mechanisms-under-the-kyoto-protocol/the-clean-development-mechanism>

⁸ <https://verra.org/programs/verified-carbon-standard/>

⁹ <https://www.goldstandard.org/>

¹⁰The Greenhouse Gas Reporting Protocol - A Corporate Accounting and Reporting Standard <https://ghgprotocol.org/corporate-standard>

¹¹ ISO 14064-1:2018 Greenhouse gases Part 1: Specification with guidance at the organization level for quantification and reporting of greenhouse gas emissions and removals <https://www.iso.org/standard/66453.html>

¹² <https://www.ipcc-nggip.iges.or.jp/>

3. CÁC HƯỚNG DẪN/NGUYÊN TẮC VỀ MRV HIỆN HÀNH

3.1. Các cơ chế, quy định quốc tế về quy trình MRV cấp cơ sở

Một số yêu cầu tự nguyện và bắt buộc đã được xây dựng và triển khai đối với MRV cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK ở cấp doanh nghiệp. Phần dưới đây cung cấp cái nhìn tổng quan ngắn gọn về một số tiêu chuẩn liên quan áp dụng cho Việt Nam.

Tiêu chuẩn ISO

ISO 14000 là bộ tiêu chuẩn quốc tế tự nguyện được thiết kế để cho phép các tổ chức đo đạc và giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động của mình một cách minh bạch và nhất quán. Các tiêu chuẩn cung cấp một cách tiếp cận có hệ thống để doanh nghiệp thiết lập một hệ thống quản lý môi trường hiệu quả.

Trong bối cảnh tính toán lượng phát thải khí nhà kính, *'ISO 14064-1:2018: Khí nhà kính - Phần 1: Đặc điểm kỹ thuật kèm theo hướng dẫn ở cấp tổ chức để định lượng và báo cáo lượng phát thải và loại bỏ khí nhà kính'*¹³ cung cấp hướng dẫn và cấu trúc để đo lường và báo cáo Phát thải và hấp thụ KNK ở cấp độ tổ chức. Tiêu chuẩn này tập trung vào các khía cạnh sau:

1. **Xác định phạm vi, ranh giới.** Hướng dẫn cho các tổ chức trong việc xác định phạm vi đo và báo cáo KNK cũng như các ranh giới liên quan của các hoạt động KNK.
2. **Nhận dạng và đo đạc KNK.** Hướng dẫn về các phương pháp và công cụ để xác định và đo lường KNK, bao gồm các nguồn phát thải KNK và các biện pháp loại bỏ KNK.
3. **Báo cáo và xác nhận.** Yêu cầu về báo cáo GHG một cách minh bạch và đáng tin cậy, bao gồm cả việc xác nhận báo cáo của bên thứ ba độc lập.
4. **Quản lý khí nhà kính.** Hướng dẫn xây dựng và triển khai hệ thống quản lý KNK hiệu quả trong tổ chức, bao gồm cả việc xây dựng các mục tiêu và kế hoạch hành động để giảm nhẹ KNK.

The Climate Registry

Tài liệu *'Quy trình báo cáo chung'*¹⁴ do Cơ quan đăng ký khí hậu (The Climate Registry) phát triển, cung cấp hướng dẫn về các cơ chế tính toán khí nhà kính và các phương pháp tính toán cần thiết để báo cáo việc kiểm kê khí nhà kính của tổ chức trên nhiều khu vực pháp lý. Đây là một công cụ quan trọng dành cho các đơn vị ở các khu vực của Hoa Kỳ và Canada cam kết quản lý môi trường minh bạch và hiệu quả.

Hướng dẫn của Cơ quan đăng ký khí hậu bao gồm các chi tiết về việc xác định phạm vi và ranh giới của báo cáo KNK, lựa chọn phương pháp đo và ước tính KNK từ các nguồn phát thải khác nhau trong hoạt động của doanh nghiệp. Nó cũng cung cấp hướng dẫn về tính toán phát thải khí nhà kính từ các nguồn chính như sử dụng năng lượng, giao thông vận tải và quản lý chất thải. Cuối cùng, nó giải thích cách báo cáo KNK một cách minh bạch, chính xác và đáng tin cậy, bao gồm việc được bên thứ ba độc lập thẩm định và gửi báo cáo kiểm kê cho các chương trình tuân thủ và tự nguyện của công ty.

Hướng dẫn tổng thể và các nguyên tắc báo cáo được cung cấp trong *Quy trình báo cáo chung* của Cơ quan đăng ký khí hậu có thể hữu ích cho các công ty Việt Nam quan tâm đến việc

¹³ ISO 14064-1:2018 - Greenhouse gases — Part 1: Specification with guidance at the organization level for quantification and reporting of greenhouse gas emissions and removals

¹⁴ <https://theclimateresistry.org/download/general-reporting-protocol-v3-05-2019/>

thiết lập hệ thống quản lý khí nhà kính toàn diện. Tuy nhiên, do hướng dẫn được thiết kế cho các tổ chức Bắc Mỹ nên các doanh nghiệp sẽ cần thay thế các hệ số phát thải và dữ liệu hoạt động của Việt Nam để xây dựng ước tính phát thải phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

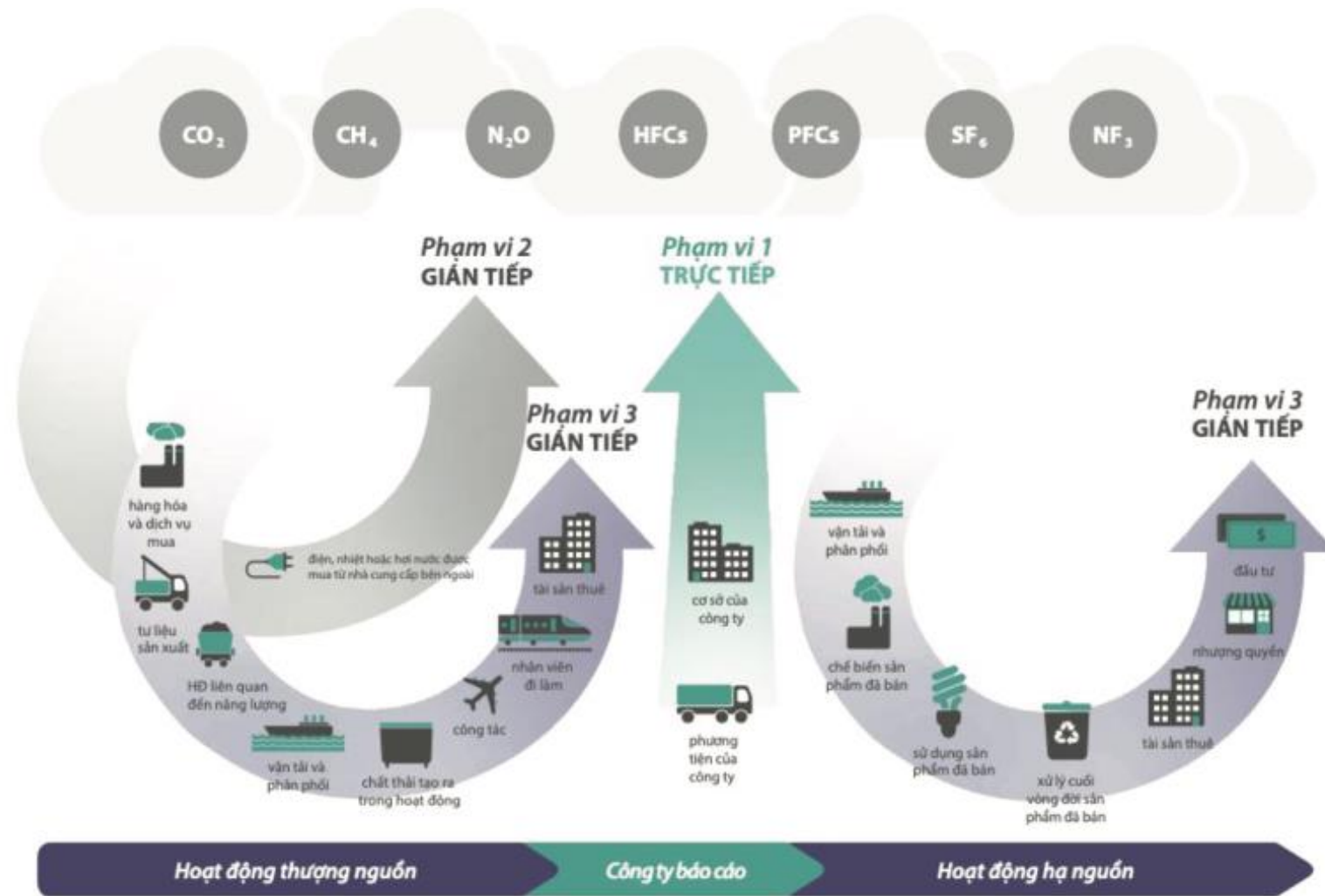
Tiêu chuẩn kiểm kê cho Doanh nghiệp của GHG Protocol

Tiêu chuẩn của GHG Protocol là hướng dẫn kế toán phát thải được sử dụng phổ biến nhất ở cấp doanh nghiệp. Hướng dẫn này có thể áp dụng cho tất cả các công ty không phân biệt quy mô và khu vực địa lý và đã được phát triển để sử dụng thực tế với các minh họa và phương pháp hay nhất. Hướng dẫn chi tiết có thể được tìm thấy trong tài liệu The GHG Protocol - Tiêu chuẩn báo cáo và tính toán KNK cho doanh nghiệp (phiên bản sửa đổi)¹⁵.

GHG Protocol cung cấp một khuôn khổ toàn cầu được tiêu chuẩn hóa, toàn diện để đo lường và quản lý lượng phát thải khí nhà kính từ các hoạt động của khu vực công và tư nhân, chuỗi giá trị và các hành động giảm nhẹ. Nó phân loại phát thải khí nhà kính thành ba phạm vi: Phạm vi 1, Phạm vi 2 và Phạm vi 3 được minh họa trong Hình 2. Hướng dẫn này tập trung vào phát thải Phạm vi 1 và Phạm vi 2.

¹⁵ <https://ghgprotocol.org/sites/default/files/standards/ghg-protocol-revised.pdf>

Hình 2. Tổng quan về Phạm vi và phát thải KNK (Tham khảo: - [Trang 5](#))



Ghi chú: Carbon dioxide (CO₂), metan (CH₄), oxit nitơ (N₂O), hydroflouorocarbons (HFCs), perflouorocarbons (PFCs) và lưu huỳnh hexafluoride (SF₆)

- **Phát thải Phạm vi 1** đề cập đến phát thải khí nhà kính trực tiếp từ các nguồn mà công ty sở hữu hoặc kiểm soát. Điều này bao gồm khí thải từ: các nguồn đốt cố định, chẳng hạn như nồi hơi và lò nung; nguồn đốt di động như xe cộ của công ty; xử lý khí thải từ các hoạt động công nghiệp; và khí thải nhất thời từ rò rỉ thiết bị. Nó cũng có thể bao gồm khí thải từ quá trình sản xuất hóa chất trong thiết bị xử lý do sở hữu hoặc kiểm soát¹⁶. Các công ty phải xác định tất cả các nguồn này trong phạm vi kiểm soát hoạt động của mình để biên soạn một bản kiểm kê Phạm vi 1 hoàn chỉnh. Sau đó, họ thu thập dữ liệu hoạt động, chẳng hạn như mức sử dụng nhiên liệu và số km đã đi, đồng thời áp dụng các hệ số phát thải thích hợp để tính toán tổng lượng phát thải.
- **Phát thải Phạm vi 2** là phát thải khí nhà kính gián tiếp từ quá trình sản xuất điện, hơi nước, làm mát hoặc nhiệt tiêu thụ của công ty¹⁷. Những phát thải này xảy ra tại các nhà máy điện nơi tạo ra điện, hơi nước hoặc nhiệt chứ không phải tại các cơ sở của công ty. Để tính đến lượng phát thải Phạm vi 2, các công ty cần thu thập dữ liệu về việc sử dụng điện, hơi nước hoặc nhiệt của họ. Nghị định thư GHG cung cấp hai phương pháp tính toán lượng phát thải liên quan đến điện mua. Phương pháp dựa trên vị trí phản ánh cường độ phát thải trung bình của lưới nơi xảy ra tiêu thụ năng lượng. Phương pháp dựa trên thị trường xem xét lượng khí thải từ điện, nhiệt hoặc hơi nước mà một công ty đã lựa chọn có mục đích, bao gồm các hợp đồng hoặc chứng nhận năng lượng tái tạo.
- **Phạm vi 3:** Phát thải khí nhà kính gián tiếp khác là hạng mục báo cáo tùy chọn cho phép tính toán tất cả các phát thải gián tiếp khác. Phát thải phạm vi 3 là kết quả của các hoạt động của doanh nghiệp nhưng lại xảy ra từ các nguồn không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của doanh nghiệp.

Để đảm bảo tính chính xác trong kiểm kê KNK của mình, các công ty nên sử dụng các hệ số phát thải cập nhật và đáng tin cậy từ các nguồn như kiểm kê quốc gia hoặc dữ liệu nhà cung cấp cụ thể. Đối với phát thải Phạm vi 1, điều này liên quan đến việc áp dụng các hệ số cho các loại nhiên liệu và quy trình khác nhau. Đối với phát thải Phạm vi 2, hệ số phát thải phải tương ứng với lưới điện hoặc hợp đồng điện cụ thể.

Đảm bảo chất lượng là rất quan trọng để duy trì tính toàn vẹn của kiểm kê KNK. Các công ty nên triển khai hệ thống đánh giá và xác minh dữ liệu thường xuyên, đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của dữ liệu. Việc duy trì hồ sơ và tài liệu kỹ lưỡng là điều cần thiết để hỗ trợ dữ liệu kiểm kê.

Khi báo cáo phát thải khí nhà kính, điều quan trọng là phải phân biệt rõ ràng phát thải Phạm vi 1 và Phạm vi 2. Các công ty nên cung cấp bối cảnh cho dữ liệu của mình, bao gồm các phương pháp được sử dụng, mọi giả định được đưa ra và mọi loại trừ. Tính minh bạch về những nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính và tác động của những nỗ lực này cũng rất quan trọng.

Có một số lợi ích khi sử dụng Giao thức GHG, giao thức này ngày càng trở nên phổ biến, bao gồm các lý do sau:

- **Tương Thích Với Quy Định Của Việt Nam:** Tiêu chuẩn GHG Protocol đã được phát triển dựa trên các nguyên tắc quốc tế nhưng cũng được thiết kế để phản ánh các quy định và nền kinh tế cụ thể của từng quốc gia. Điều này làm cho nó phù hợp hơn với quy định và điều kiện địa phương tại Việt Nam.

¹⁶ Lượng phát thải CO₂ trực tiếp từ quá trình đốt sinh khối sẽ không được đưa vào Phạm vi 1 mà sẽ được báo cáo riêng. Phát thải khí nhà kính không được đề cập trong Nghị định thư Kyoto, ví dụ: CFC, NO_x, v.v. sẽ không được đưa vào Phạm vi 1 mà có thể được báo cáo riêng.

¹⁷ Điện mua được định nghĩa là điện được mua hoặc mang vào trong phạm vi tổ chức của doanh nghiệp.

- **Tính Minh Bạch và Đáng Tin Cậy:** Tài liệu của GHG Protocol cung cấp các hướng dẫn cụ thể và đồng nhất để đo lường và báo cáo KNK, từ đó tạo ra một cơ sở dữ liệu chính xác và đáng tin cậy. Điều này giúp doanh nghiệp tại Việt Nam tăng cường tính minh bạch và đáng tin cậy trong quản lý KNK của họ.
- **Dễ dàng tích hợp vào các khung quy định, chính sách khác:** Tiêu chuẩn GHG Protocol thường được tích hợp vào các khung công việc quản lý môi trường và bền vững khác, giúp doanh nghiệp dễ dàng áp dụng vào hệ thống quản lý hiện có của họ một cách linh hoạt và hiệu quả.
- **Hỗ trợ của các tổ chức toàn cầu:** GHG Protocol thường được hỗ trợ bởi các tổ chức và cơ quan quốc tế uy tín như WRI và WBCSD, cung cấp cho doanh nghiệp một nguồn tư vấn và hỗ trợ đáng tin cậy trong việc triển khai và tuân thủ tiêu chuẩn.
- **Tiếp cận dễ dàng:** Tiêu chuẩn này được GHG Protocol phát hành miễn phí, và được cung cấp cho tất cả các doanh nghiệp.

3.2. Khung chính sách hiện hành tại Việt Nam liên quan đến MRV

Qua nhiều năm, Thỏa thuận Paris đã phát triển và một số yêu cầu xung quanh việc cải thiện MRV đã được thảo luận. Đáng chú ý, Khung minh bạch tăng cường (ETF)¹⁸ mới đã có hiệu lực và các quốc gia có nghĩa vụ cập nhật hệ thống MRV thể chế của mình phù hợp với các yêu cầu này. Các quốc gia cũng phải gửi Báo cáo minh bạch hai năm một lần cho UNFCCC bắt đầu từ tháng 12 năm 2024, trong đó bao gồm tiến trình đáp ứng các cam kết NDC của họ.

Minh bạch thông qua MRV hiệu quả là chìa khóa để đảm bảo tính toàn vẹn môi trường theo Thỏa thuận Paris, bao gồm Điều 6 thiết lập khuôn khổ cho việc mua bán phát thải khí nhà kính giữa các quốc gia. Các phương pháp giám sát theo Điều 6 có tính đến NDC của nước sở tại và các cam kết báo cáo quốc gia của cả nước sở tại và nước mua. Phát triển năng lực đo lường và báo cáo khí nhà kính ở cấp doanh nghiệp là một bước quan trọng trong việc tạo dựng năng lực thể chế để triển khai hệ thống ETF hiệu quả và Việt Nam đã thực hiện các bước quan trọng để tăng cường cơ chế hiện tại.

Luật Bảo vệ Môi trường và việc thực hiện Nghị định 06 và Quyết định số 2359 đã thiết lập nền tảng cơ bản cho hệ thống MRV cấp cơ sở toàn diện:

Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14¹⁹, có hiệu lực từ ngày 1/1/2022. Điều 91 luật quy định một số yêu cầu cụ thể liên quan đến MRV đối với giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Nghị định số 06/2022/ND-CP²⁰ ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2022 đưa ra các yêu cầu cụ thể và chi tiết liên quan đến việc xây dựng kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Đặc biệt, Điều 11 quy định chi tiết về hoạt động kiểm kê KNK. Hộp văn bản 1 dưới đây cung cấp thêm chi tiết về Nghị định số 06/2022/ND-CP.

Quyết định số 2359/QĐ-TTg²¹ của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 22/12/2015 cho phép xây dựng hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia cho doanh nghiệp. Quyết định quy định cụ thể số liệu phải báo cáo cho hệ thống kiểm kê khí nhà kính quốc gia cũng như các bộ, ngành chịu trách nhiệm thiết kế và vận hành hệ thống.

¹⁸ <https://www.wri.org/paris-rulebook/enhanced-transparency-framework>

¹⁹ [Law 72/2020/QH14 on Environmental Protection in Vietnam \(thuvienphapluat.vn\)](http://thuvienphapluat.vn)

²⁰ [Nghị định 06/2022/ND-CP giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô dôn mới nhất \(thuvienphapluat.vn\)](http://thuvienphapluat.vn)

²¹ [Quyết định 2359/QĐ-TTg duyệt hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà kính 2015 \(thuvienphapluat.vn\)](http://thuvienphapluat.vn)

Mặc dù đã có cơ sở pháp lý cho việc báo cáo khí nhà kính của doanh nghiệp nhưng vẫn chưa có báo cáo thống nhất về phát thải của từng tiểu ngành do thiếu dữ liệu hoạt động và năng lực của các cơ quan liên quan. Tính đến tháng 3 năm 2024, Chính phủ Việt Nam chưa công bố hướng dẫn quốc gia về MRV. Tuy nhiên, các cơ sở có thể thực hiện MRV theo hướng dẫn của ngành tương ứng. Hướng dẫn MRV cấp ngành đầu tiên (Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT) được Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) ban hành vào tháng 11 năm 2022 cho lĩnh vực quản lý chất thải. Hướng dẫn MRV cấp ngành thứ hai là Thông tư số 38/TT-BCT/2023 do Bộ Công Thương ban hành vào tháng 12 năm 2023. Thông tư này bao gồm lĩnh vực công thương. Hai thông tư này được coi là tài liệu tham khảo để các bộ, ngành khác xây dựng văn bản pháp luật riêng về MRV.

Bảng 1: Nghị định số 06/2022/NĐ-CP

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP nhằm mục đích nâng cao tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu phát thải khí nhà kính cấp doanh nghiệp, điều này rất cần thiết để theo dõi tiến độ hướng tới các mục tiêu giảm phát thải và hỗ trợ tính minh bạch của thị trường carbon. Nghị định nhấn mạnh tầm quan trọng của một MRV mạnh mẽ để giám sát và quản lý phát thải khí nhà kính một cách hiệu quả và cho phép thành lập Hệ thống MRV Quốc gia. Hệ thống MRV được đề xuất nhằm đảm bảo tuân thủ các mục tiêu giảm phát thải cấp quốc gia và cấp ngành của Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của thị trường carbon quốc gia. Hệ thống này cũng sẽ giúp Việt Nam tuân thủ các cam kết quốc tế về khí hậu và tăng cường quản trị môi trường. Nghị định bao gồm các yếu tố MRV sau:

Đo lường: Các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn được ủy quyền thực hiện kiểm kê khí nhà kính bao gồm các cơ sở phát thải tương đương 3.000 tấn carbon dioxide (CO₂) hàng năm hoặc hơn, các tòa nhà thương mại có mức tiêu thụ năng lượng đáng kể và các nhà máy xử lý chất thải rắn lớn. Các cơ sở này phải đo lường khí thải bằng các phương pháp tiêu chuẩn hóa để đảm bảo tính nhất quán và chính xác.

Báo cáo: Sau khi đo lường khí thải, các cơ sở phải báo cáo những điều này cho cơ quan hữu quan. Nghị định quy định cụ thể rằng các đơn vị trong các lĩnh vực như năng lượng, nông nghiệp, quản lý chất thải và quy trình công nghiệp cần phải nộp bản kiểm kê khí nhà kính hàng năm. Dữ liệu được báo cáo phải bao gồm thông tin chi tiết về nguồn và lượng phát thải, tuân thủ các định dạng và tiêu chuẩn do Bộ TN&MT đặt ra.

Xác minh: Quá trình xác minh rất quan trọng đối với tính toàn vẹn của hệ thống MRV. Các bên thứ ba độc lập hoặc các cơ quan chính phủ được chỉ định xác minh dữ liệu phát thải được báo cáo để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của nó. Quá trình xác minh này giúp ngăn ngừa sự khác biệt và đảm bảo rằng lượng khí thải được báo cáo phản ánh lượng khí thải thực tế. Thông tin chi tiết hơn về yêu cầu xác minh được mô tả trong phần 5.3 bên dưới.

Hệ thống MRV quốc gia: Nghị định yêu cầu xây dựng Hệ thống MRV quốc gia để giám sát và thực thi việc tuân thủ các quy định về phát thải khí nhà kính. Hệ thống này sẽ đóng vai trò then chốt trong việc quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính và chứng nhận tín chỉ carbon, những thứ có thể được mua bán trên thị trường carbon.

Thực hiện và giám sát: Bộ TN&MT được giao nhiệm vụ thực hiện và quản lý Hệ thống MRV Quốc gia. Điều này bao gồm việc thiết lập các hướng dẫn kỹ thuật về đo lường và báo cáo GHG, đào tạo nhân sự có liên quan và tiến hành kiểm toán để xác minh sự tuân thủ. Bộ cũng cấp các chứng nhận về tín chỉ carbon và quản lý việc đăng ký hạn ngạch phát thải khí nhà kính.

Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định các nguyên tắc và yêu cầu chung cho hệ thống MRV trong tương lai. Tuy nhiên, nó không cung cấp hướng dẫn kỹ thuật cho doanh nghiệp

về cách thiết lập và triển khai hệ thống MRV cho các cơ sở được bảo hiểm. Nghị định dự kiến rằng các bộ ngành tương ứng sẽ xây dựng hướng dẫn đó. Đến nay, Bộ TN&MT đã soạn thảo hướng dẫn báo cáo cho ngành chất thải (Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT) và Bộ Công Thương cho ngành công thương (Thông tư số 38/TT-BCT/2023).

4. HƯỚNG DẪN ĐO ĐẶC CHO DOANH NGHIỆP

Trong chương này, chúng tôi cung cấp hướng dẫn cụ thể về việc đo đạc phát thải khí nhà kính phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế như GHG Protocol. Các bước đo khí nhà kính cụ thể được trình bày dưới đây và phù hợp với yêu cầu báo cáo phát thải khí nhà kính cấp cơ sở nêu tại Mẫu số 02, Phụ lục IV, Nghị định số 06/2022/ND-CP.

4.1. Bước 1: Thiết lập ranh giới tổ chức/doanh nghiệp

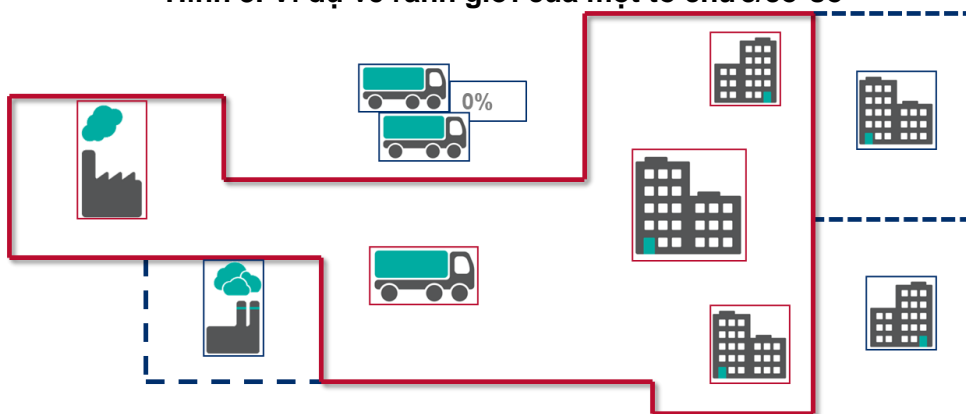
Hoạt động kinh doanh đa dạng về cơ cấu pháp lý và tổ chức; chúng bao gồm các hoạt động thuộc sở hữu hoàn toàn của doanh nghiệp, các liên doanh có tư cách pháp nhân và không có tư cách pháp nhân, các doanh nghiệp con và các tổ chức khác. Vì mục đích kế toán tài chính, chúng được xử lý theo các quy tắc đã được quy định, phụ thuộc vào cấu trúc của tổ chức và mối quan hệ giữa các bên liên quan. Khi thiết lập các ranh giới tổ chức, doanh nghiệp lựa chọn một phương pháp tổng hợp phát thải khí nhà kính và sau đó áp dụng nhất quán phương pháp đã chọn để xác định các hoạt động kinh doanh cấu thành nên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mục đích hạch toán và báo cáo phát thải khí nhà kính.

Việc xác định được ranh giới tổ chức rất quan trọng vì nó liên quan đến tính nhất quán trong đo lường phát thải trong toàn bộ doanh nghiệp. Vì hiện tại cơ cấu kinh doanh của các đơn vị quản lý rất phức tạp, có thể là doanh nghiệp con, có thể là Doanh nghiệp liên doanh, hay nhượng quyền thương mại,... và mỗi cơ cấu kinh doanh khác nhau sẽ dẫn đến ranh giới tổ chức khác nhau nên sẽ có cách thức tính toán kiểm kê KNK tương ứng.

Ranh giới tổ chức sẽ quyết định hoạt động/bộ phận nào được đưa vào kiểm kê KNK và tương ứng với bao nhiêu % của mỗi hoạt động/bộ phận ấy. Hình XXX dưới đây minh họa về ranh giới của một tổ chức

Hình 3 minh họa ranh giới tổ chức để tính toán lượng khí nhà kính. Tất cả các hoạt động bên trong đường liền nét được tính vào hàng tồn kho của công ty. Các hoạt động trong các đường chấm chấm là những hoạt động có thể được đưa vào hoặc không dựa trên cách tiếp cận ranh giới đã chọn.

Hình 3. Ví dụ về ranh giới của một tổ chức/cơ sở



Chỉ những nhà máy, phương tiện vận chuyển nội bộ hay tòa nhà văn phòng nằm trong đường liền nét mới thuộc ranh giới tổ chức, thì mới thuộc phạm vi kiểm kê KNK của tổ chức

Tham khảo từ: GHG Protocol

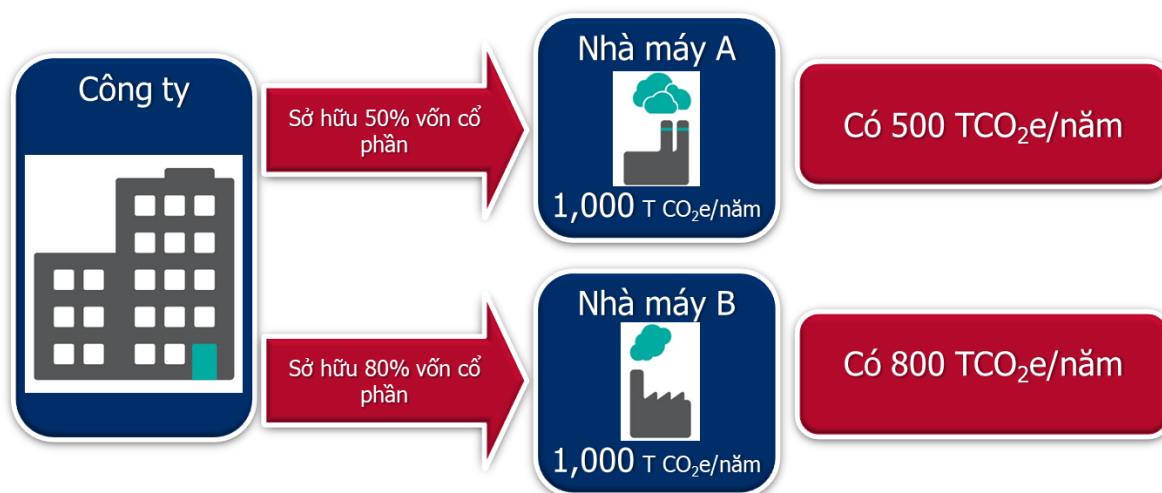
Hai cách tiếp cận thường được áp dụng khi lựa chọn ranh giới tổ chức của việc kiểm kê KNK – chia sẻ theo tỉ lệ góp vốn và tính kiểm soát.

Ranh giới theo tỷ lệ góp vốn

Theo phương pháp chia sẻ vốn chủ sở hữu, một công ty tính toán lượng phát thải khí nhà kính theo tỷ lệ vốn sở hữu của mình trong hoạt động. Cổ phần vốn cổ phần phản ánh lợi ích kinh tế, đó là mức độ quyền mà công ty có được từ một hoạt động. Thông thường, cổ phần này phù hợp với tỷ lệ sở hữu phần trăm của công ty đối với hoạt động đó và cổ phần vốn sở hữu thường sẽ giống với tỷ lệ sở hữu.

Hình 4 minh họa ranh giới được thiết lập theo cách tiếp cận chia sẻ vốn chủ sở hữu.

Hình 4. Ví dụ về ranh giới theo chia sẻ vốn chủ sở hữu



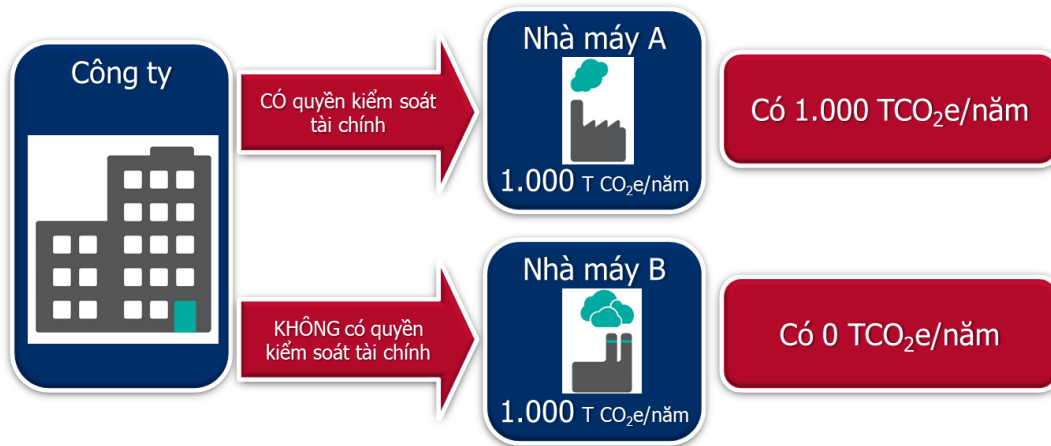
Tham khảo từ: GHG Protocol

Ranh giới theo tính Kiểm soát

Với cách này, doanh nghiệp sẽ tính phát thải KNK cho tất cả phát thải từ các nhà máy mà doanh nghiệp có kiểm soát tài chính và kiểm soát vận hành. Doanh nghiệp sẽ tính 100% lượng phát thải KNK từ các hoạt động của các nhà máy dưới sự “kiểm soát” của doanh nghiệp vào phát thải KNK của doanh nghiệp mình. Với phương pháp này, “kiểm soát” có nghĩa là kiểm soát tài chính hoặc kiểm soát vận hành trực tiếp.

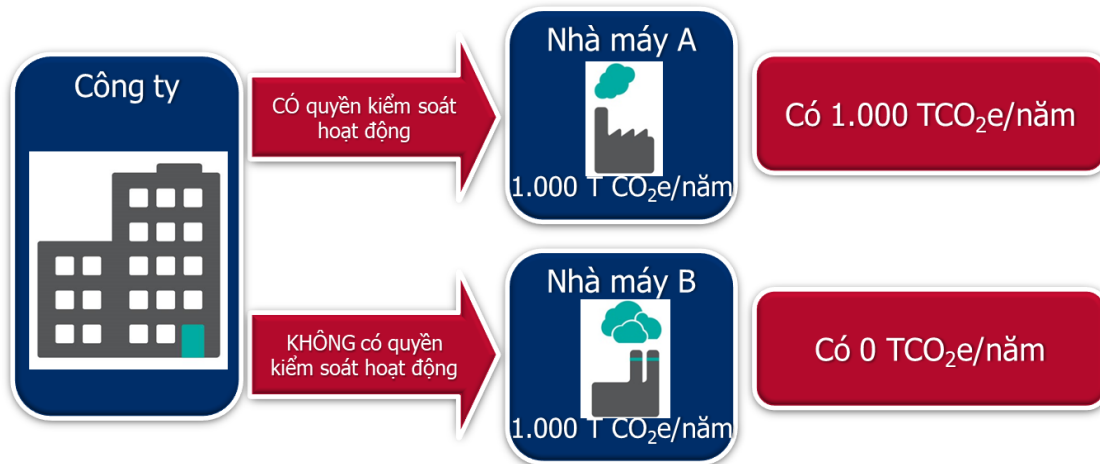
- **Kiểm soát tài chính:** Nếu tổ chức báo cáo có quyền kiểm soát tài chính đối với nhà máy cũng như phải chịu phần lớn rủi ro và hưởng chính lợi ích từ việc sở hữu các nhà máy thì tổ chức đó được coi là có kiểm soát tài chính. Nếu tổ chức kiểm soát tài chính của nhà máy thì cũng sẽ chịu trách nhiệm cho 100% lượng phát thải của nhà máy ấy. Hình 5 dưới đây mô tả về kiểm soát tài chính tại một doanh nghiệp.

Hình 5. Ví dụ về Kiểm soát tài chính



- **Kiểm soát vận hành hoạt động:** Nếu tổ chức báo cáo có quyền kiểm soát vận hành hoạt động khi tổ chức đó có toàn quyền thực hiện các chính sách vận hành và các thay đổi liên quan. Có thể xác định thông qua quyền sở hữu giấy phép hoạt động. Nếu tổ chức kiểm soát vận hành hoạt động của nhà máy thì cũng sẽ chịu trách nhiệm 100% lượng phát thải của nhà máy ấy.

Hình 6. Ví dụ về kiểm soát vận hành hoạt động



Doanh nghiệp cũng nên báo cáo mọi thay đổi về ranh giới hoạt động vì nó ảnh hưởng đến các bước kế toán tiếp theo về phát thải khí nhà kính.

4.2. Bước 2: Thiết lập phạm vi hoạt động

Ở bước này, doanh nghiệp phải xác định các hoạt động có khả năng phát thải khí nhà kính. Việc thiết lập phạm vi phát thải này bao gồm việc phân loại chúng thành phát thải trực tiếp và gián tiếp như được mô tả chi tiết hơn trong Phần 3.1.3.

Việc xác định phạm vi phát thải sẽ giúp doanh nghiệp:

- Hiểu rõ các nguồn phát thải cần tính toán.
- Phân loại nguồn để tránh trùng lặp.
- Cung cấp thông tin hữu ích cho các bên liên quan về lượng phát thải được kiểm kê KNK.
- Quản lý rủi ro và cơ hội phát thải khí nhà kính trong chuỗi giá trị.

Để giúp các doanh nghiệp xác định lượng phát thải trực tiếp và gián tiếp, nên áp dụng các hướng dẫn của GHG Protocol. Hình 2 cung cấp cách phân loại phát thải trực tiếp và gián tiếp theo GHG Protocol.

4.3. Bước 3: Tính toán lượng phát thải và giảm phát thải KNK

Ở bước này, doanh nghiệp phải tính toán lượng phát thải khí nhà kính theo quy trình dưới đây

Lựa chọn phương pháp tính toán phát thải khí nhà kính

Hướng dẫn kiểm kê quốc gia của IPCC²² bao gồm một hệ thống phân cấp các phương pháp và kỹ thuật tính toán, từ việc áp dụng các hệ số phát thải chung đến đo lường trực tiếp. Đo trực tiếp lượng phát thải khí nhà kính bằng cách giám sát nồng độ và dòng khí chưa phổ biến ở Việt Nam do chi phí thiết bị và năng lực kỹ thuật của đội ngũ nhân viên cần thiết để tổng hợp dữ liệu thành kết quả. Thông thường hơn, lượng khí thải có thể được tính toán bằng cách sử dụng phương pháp cân bằng khối lượng hoặc cân bằng hóa học cụ thể cho một cơ sở hoặc quy trình. Ngoài ra, lượng phát thải cũng có thể được tính toán bằng cách sử dụng hệ số phát thải thích hợp có thể quy cho nguồn hoạt động (ví dụ: hệ số phát thải lưới điện đối với lượng phát thải khí nhà kính từ điện được sử dụng).

Doanh nghiệp nên sử dụng phương pháp tính toán chính xác nhất hiện có, phù hợp với bối cảnh báo cáo của mình.

Thu thập số liệu hoạt động và lựa chọn hệ số phát thải

Các doanh nghiệp (lớn, vừa và nhỏ) phải thu thập số liệu hoạt động và hệ số phát thải khí nhà kính dựa trên phạm vi hạch toán phát thải được thiết lập tại Mục 4.2. Tối thiểu, dữ liệu cần thu thập bao gồm các yếu tố được mô tả trong Bảng dưới đây.

Bảng 2: Thu thập số liệu vận hành và hệ số phát thải

Số liệu hoạt động	Hệ số phát thải
Phạm vi 1: Dữ liệu về nhiên liệu đã mua (khí tự nhiên, dầu, dầu diesel, v.v.); dữ liệu về số dặm đã đi của các phương tiện do công ty sở hữu.	Hệ số phát thải nhiên liệu từ nhà cung cấp; hệ số phát thải nhiên liệu đối với nhiên liệu do các nguồn quốc gia công bố, chẳng hạn như phiên bản mới nhất của kiểm kê phát thải khí nhà kính quốc gia của Việt Nam được báo cáo cho UNFCCC. Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT do Bộ TN&MT ban hành quy định hệ số phát thải khí nhà kính được áp dụng trong tính toán và báo cáo phát thải khí nhà kính ở Việt Nam.
Phạm vi 2: Số liệu về điện năng tiêu thụ (biên lai từ nhà cung cấp điện).	Hệ số phát thải vào lưới do nhà cung cấp điện hoặc bộ chính phủ liên quan công bố. Cục Biến đổi khí hậu, Bộ TN&MT công bố và cập nhật hệ số phát thải lên lưới hàng năm, dựa trên số liệu thực tế từ hoạt động sản xuất điện. Hệ số phát thải lên lưới mới nhất là 0,6766 tCO ₂ /MWh cho năm 2022 và được Bộ TNMT công bố vào năm 2024 ²³ .

²² <https://www.ipcc.ch/report/2019-refinement-to-the-2006-ipcc-guidelines-for-national-greenhouse-gas-inventories/>

²³ [Hệ số phát thải lưới điện Việt Nam 2022 | Văn bản pháp luật | Cục Biến đổi khí hậu \(dcc.gov.vn\)](#)

Phạm vi 3: Dữ liệu về vật liệu được mua; dữ liệu về phương tiện sử dụng để phân phối sản phẩm; dữ liệu về tài sản cho thuê; dữ liệu về đầu tư; dữ liệu về chuyển đi công tác (dặm); dữ liệu về việc đi lại của nhân viên.

Hệ số phát thải được cung cấp bởi cơ sở dữ liệu công cộng hoặc bên thứ ba (ví dụ: Viện Nhôm Quốc tế, Viện Sắt Thép Quốc tế, Dầu khí Hoa Kỳ, Sáng kiến Xi măng Bền vững WBCSD, Hiệp hội Bảo tồn Môi trường Công nghiệp Dầu khí Quốc tế, EcoInvent, v.v.).

Các chương trình báo cáo phát thải khí nhà kính thường yêu cầu định lượng và báo cáo lượng phát thải hàng năm. Đây cũng là trường hợp đối với cơ sở được Việt Nam bảo hộ theo Nghị định số 06/2022/ND-CP. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp nên thu thập dữ liệu hoạt động trong cả năm hoạt động.

Điều này được hiểu rằng việc thu thập dữ liệu hoạt động chất lượng cao sẽ là rào cản đáng kể đối với doanh nghiệp ở giai đoạn đầu của quy trình báo cáo GHG. Điều quan trọng là phải thiết lập các quy trình thu thập dữ liệu hiệu quả trước khi bắt đầu quy trình báo cáo KNK. Một số biện pháp hữu ích mà doanh nghiệp có thể thực hiện bao gồm:

- Xây dựng quy trình thu thập dữ liệu cho phép thu thập dữ liệu tương tự một cách hiệu quả cho các năm báo cáo trong tương lai.
- Chuyển đổi dữ liệu tiêu thụ nhiên liệu thành đơn vị năng lượng trước khi áp dụng hệ số phát thải.
- So sánh dữ liệu năm hiện tại với xu hướng lịch sử. Nếu dữ liệu không thay đổi nhất quán từ năm này sang năm khác thì cần phải điều tra nguyên nhân của những mâu thuẫn này (ví dụ: có thể cần phải phân tích những thay đổi trên 10% từ năm này sang năm khác).
- Điều tra dữ liệu hoạt động được tạo ra cho các mục đích khác ngoài việc chuẩn bị kiểm kê KNK nhằm xác định liệu nó có hữu ích cho việc cải thiện kiểm kê trong tương lai hay không. Điều này liên quan đến việc đảm bảo rằng dữ liệu đáp ứng các tiêu chí cần thiết để báo cáo GHG chính xác và nhất quán. Cụ thể, doanh nghiệp nên kiểm tra các khía cạnh sau:
 - Tính đầy đủ: Đảm bảo rằng dữ liệu bao gồm tất cả các hoạt động và nguồn cần thiết.
 - Tính nhất quán: Xác minh rằng dữ liệu phù hợp với các định nghĩa và phân loại được sử dụng trong kiểm kê KNK.
 - Tính nhất quán với các hệ số phát thải: Xác nhận rằng dữ liệu tương thích với các hệ số phát thải được áp dụng trong tính toán kiểm kê KNK.

Trong trường hợp hệ số phát thải không có sẵn hoặc không chính xác, doanh nghiệp có thể tham khảo Hướng dẫn kiểm kê IPCC 2006²⁴ về hệ số phát thải mặc định hoặc tham khảo danh sách hệ số phát thải đối với kiểm kê KNK do Bộ TN&MT công bố.²⁵

Tính toán phát thải khí nhà kính

Sau khi doanh nghiệp đã thu thập được các hệ số phát thải khí nhà kính và dữ liệu hoạt động cần thiết, họ có thể bắt đầu tính toán lượng phát thải khí nhà kính, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong suốt quá trình tính toán. Doanh nghiệp có thể tính toán lượng phát thải khí nhà kính theo quy trình như dưới đây:

²⁴ [Publications - IPCC-TFI \(iges.or.jp\)](https://www.iges.or.jp/public/ipcc_tfi/)

²⁵ [Quyết định 2626/QĐ-BTNMT 2022 công bố hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính \(thuvienphapluat.vn\)](https://thuvienphapluat.vn)

$$KNK_i = AD_i * EF_i$$

Trong đó:

- i là loại KNK;
- KNK_i là lượng phát thải của KNK i (tấn);
- AD_i là số liệu hoạt động của KNK i ;
- EF_i là hệ số phát thải của KNK i .

Công thức tính tổng lượng phát thải KNK của một cơ sở:

$$TPT = \sum_i KNK_i * GWP_i$$

Trong đó:

- TPT là tổng lượng phát thải KNK của Cơ sở (tấn CO_{2td});
- GWP_i là hệ số tiềm năng nóng lên toàn cầu của KNK i , áp dụng theo hướng dẫn mới nhất của IPCC

Tính toán mức giảm KNK

Có ba phương pháp doanh nghiệp có thể áp dụng để tính toán mức giảm phát thải KNK, như được trình bày dưới đây.

3.6.1. Phương pháp 1. Tính toán dựa vào biện pháp giảm phát thải

Sử dụng Phương pháp 1, doanh nghiệp có thể tính toán kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tại cơ sở trong 1 năm theo công thức sau:

$$GPT = \sum_d GPT_d$$

Trong đó:

- GPT là lượng giảm phát thải KNK của Cơ sở trong một năm (tấn CO_{2td});
- d là biện pháp giảm nhẹ phát thải KNK của Cơ sở;
- GPT_d là mức giảm phát thải KNK của Cơ sở trong một năm khi thực hiện biện pháp giảm nhẹ d (tấn CO_{2td}). GPT_d được tính như sau:

$$GPT_d = PTCS_d - PT_d$$

Trong đó:

- PT_d là mức phát thải KNK của Cơ sở trong một năm khi thực hiện biện pháp giảm nhẹ d (tấn CO_{2td});
- $PTCS_d$ là mức phát thải KNK dự kiến của Cơ sở trong một năm khi không thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải d theo kịch bản phát triển thông thường (tấn CO_{2td}).

Phương pháp 2. Tính toán dựa vào kết quả kiểm kê KNK

Tính toán kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở trong một năm theo công thức sau:

$$GPT_i = KKKNK_i - KKKNK_{i-1}$$

Trong đó:

- GPT_i là lượng giảm phát thải KNK của Cơ sở trong năm i (tấn CO₂tđ);
- $KKKNK_i$ là mức phát thải KNK của Cơ sở trong năm i (tấn CO₂tđ);
- $KKKNK_{i-1}$ là mức phát thải KNK của Cơ sở trong năm trước đó ($i-1$) (tấn CO₂tđ).

Phương pháp 3. Tính toán dựa vào cường độ phát thải KNK

Tính toán kết quả giảm nhẹ phát thải KNK của cơ sở trong một năm theo công thức sau:

$$GPT_i = (PTCĐ_{i-1} - PTCĐ_i) * SLSPTĐ_i$$

Trong đó:

- GPT_i là lượng giảm phát thải KNK của Cơ sở trong năm i (tấn CO₂tđ);
- $PTCĐ$ là phát thải cường độ, thể hiện lượng phát thải KNK trên một sản phẩm tương đương trong năm (tấn CO₂tđ/sản phẩm);
- $SLSPTĐ_i$ là số lượng sản phẩm tương đương, thể hiện tổng sản lượng của doanh nghiệp qua số lượng sản phẩm tương đương trong năm i (số sản phẩm)

Xác định mức phát thải cường độ cho mỗi đơn vị sản phẩm của năm (PTCĐ) như sau:

$$PTCĐ_i = \frac{KKNK_i}{SLSPTĐ_i}$$

Doanh nghiệp cần tiến hành xác định sản phẩm tương đương của cơ sở mình để có thể áp dụng cách tính thứ 3 này.

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng Phương pháp 3, doanh nghiệp có thể tham khảo các hướng dẫn và công cụ theo ngành do GHG Protocol cung cấp. Một số trong số này bao gồm:

- **Công cụ liên ngành.** Áp dụng cho nhiều ngành công nghiệp và doanh nghiệp (ví dụ: hệ số phát thải, phát thải khí nhà kính từ quá trình đốt cháy cố định, phát thải khí nhà kính từ các nguồn vận tải hoặc di động, thiết bị làm lạnh và điều hòa không khí, các giá trị tiềm năng nóng lên toàn cầu).
- **Công cụ dành riêng cho từng quốc gia.** Tùy chỉnh cho các nước đang phát triển cụ thể.
- **Công cụ dành riêng cho ngành.** Được thiết kế cho các ngành công nghiệp cụ thể (ví dụ: nhôm, axit adipic, amoniac, xi măng, sắt thép, HCFC-22, axit nitric, bột giấy và giấy, chất bán dẫn, gỗ và vôi).

[Dữ liệu phát thải khí nhà kính tổng hợp ở cấp độ nhóm/tập đoàn](#)

Ở bước này, các doanh nghiệp tổng hợp lượng phát thải khí nhà kính từ nhiều cơ sở ở cấp độ nhóm. Lập kế hoạch cho bước này rất quan trọng nhằm giảm thiểu gánh nặng báo cáo và giảm nguy cơ sai sót khi thu thập và tổng hợp dữ liệu trên nhiều cơ sở. Lý tưởng nhất là các doanh nghiệp nên cân nhắc việc tích hợp báo cáo GHG vào các công cụ và quy trình nội bộ hiện có của mình một cách nhất quán và được ban quản lý phê duyệt. Nếu có thể, doanh nghiệp nên tận dụng dữ liệu nội bộ hiện có đã được thu thập trên toàn cơ sở thay vì tạo một quy trình mới để tính toán những dữ liệu này trong báo cáo GHG.

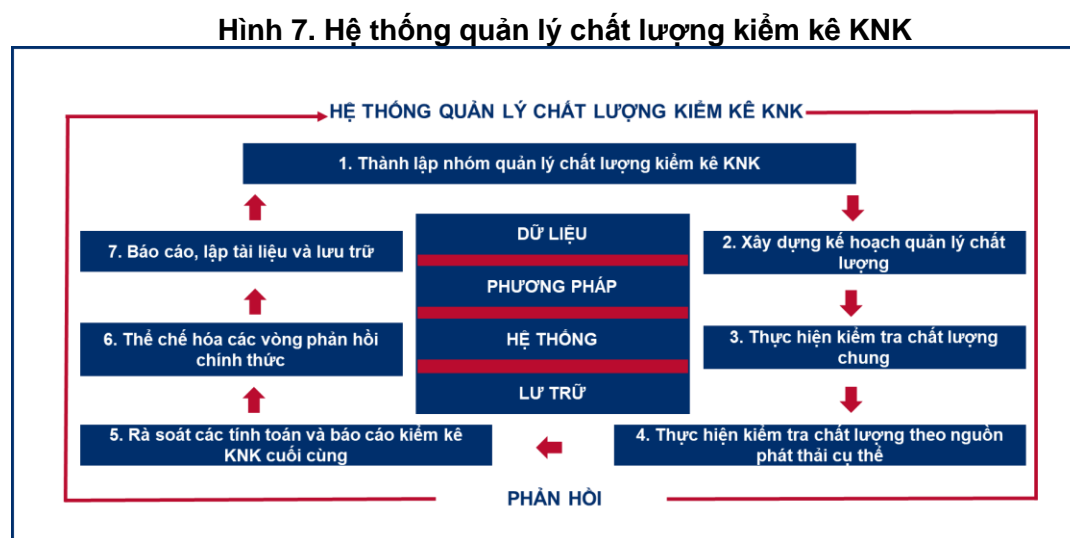
Các công cụ và quy trình được chọn để báo cáo dữ liệu sẽ phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông hiện có (tức là mức độ dễ dàng đưa các danh mục dữ liệu mới vào cấp cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp). Nó cũng sẽ phụ thuộc vào mức độ chi tiết mà trụ sở công ty yêu cầu cơ sở vật chất để báo cáo. Đối với báo cáo nội bộ lên đến cấp doanh nghiệp, nên sử dụng các định dạng báo cáo được tiêu chuẩn hóa để đảm bảo dữ liệu nhận được từ các đơn vị và cơ sở kinh doanh khác nhau có thể so sánh được và tuân thủ các quy tắc báo cáo nội bộ.

4.4. Bước 4. Quản lý chất lượng

Các doanh nghiệp có nhiều lý do để đảm bảo lượng phát thải khí nhà kính được báo cáo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nhất định, bao gồm:

- Chất lượng dữ liệu để đảm bảo xác định được các cơ hội cải tiến.
- Chất lượng dữ liệu tuân thủ các yêu cầu pháp lý về báo cáo KNK.
- Chất lượng dữ liệu để cho phép giao tiếp minh bạch với các bên liên quan.

Hình 7 minh họa các yếu tố chính của hệ thống quản lý chất lượng để chuẩn bị cho kiểm kê KNK.



Theo Hình 7, các doanh nghiệp nên xem xét áp dụng quy trình quản lý chất lượng nội bộ để đảm bảo dữ liệu về phát thải khí nhà kính của mình là nhất quán, chính xác và có thể kiểm toán được. Quá trình quản lý chất lượng tối thiểu phải bao gồm các yếu tố sau:

Một quy trình để xác định chất lượng của việc kiểm kê KNK.

Các doanh nghiệp nên đảm bảo báo cáo KNK mà họ xây dựng có liên quan, đầy đủ, nhất quán, minh bạch và chính xác. Điều này sẽ đảm bảo doanh nghiệp tuân theo quy trình hợp tác và toàn diện để báo cáo lượng khí thải trung thực và công bằng cho hoạt động của họ.

Khung chương trình kiểm kê.

Doanh nghiệp nên thiết kế một hệ thống quản lý chất lượng có thể giảm thiểu các vấn đề về độ chính xác, lỗi và trùng lặp dữ liệu, cùng các yếu tố khác. Hệ thống cũng phải dễ triển khai trong khi vẫn đủ linh hoạt để thích ứng với những cải tiến trong tương lai (ví dụ: tích hợp với khung quản lý rủi ro của doanh nghiệp). Một số chức năng chính của hệ thống nên bao gồm những điều sau đây:

- **Phương pháp luận.** Khi doanh nghiệp sử dụng các phương pháp kỹ thuật để phát triển hàng tồn kho, khuôn khổ này phải cho phép lựa chọn, áp dụng và cập nhật các phương pháp khi xác định được các phương pháp mới.
- **Dữ liệu.** Dữ liệu rất quan trọng đối với việc tính toán GHG vì nó quyết định mức độ chính xác trong báo cáo. Khung chương trình kiểm kê phải cho phép một quy trình thu thập dữ liệu chất lượng cao cùng với quy trình duy trì và cải tiến các thủ tục.
- **Quy trình và hệ thống kiểm kê.** Khung này phải bao gồm các bước về thể chế, quản lý và kỹ thuật để chuẩn bị kiểm kê KNK. Chúng bao gồm việc nêu rõ trách nhiệm của các chức năng khác nhau trong doanh nghiệp trong quy trình báo cáo và kế toán KNK.
- **Tài liệu.** Khung này phải đảm bảo rằng các phương pháp, dữ liệu và giả định được sử dụng để tính toán kiểm kê phát thải khí nhà kính đều được nắm bắt. Điều này có nghĩa là dữ liệu phát thải khí nhà kính có thể được xác thực để đảm bảo báo cáo chính xác và công bằng cho các bên liên quan bên trong hoặc bên ngoài.

Nhóm quản lý chất lượng kiểm kê KNK.

Doanh nghiệp nên cân nhắc việc thành lập một nhóm chuyên trách về kế toán và báo cáo khí nhà kính nội bộ. Nhóm phải chịu trách nhiệm phát triển kho lưu trữ chất lượng cao và phối hợp với các đơn vị kinh doanh cần thiết về dữ liệu và các hoạt động khác.

Kế hoạch quản lý chất lượng.

Doanh nghiệp nên phác thảo kế hoạch quản lý chất lượng ngay từ đầu kỳ báo cáo KNK. Kế hoạch nên bao gồm tất cả các bước cần thực hiện trong toàn doanh nghiệp để chuẩn bị báo cáo KNK – từ thu thập dữ liệu đến báo cáo phát thải cho ban quản lý cấp cao/hội đồng quản trị. Ngoài ra, điều này phải bao gồm các thủ tục về kiểm toán nội bộ và bên ngoài, phản hồi cho ban quản lý và đảm bảo những quy trình này phù hợp với tiêu chuẩn ISO để đảm bảo báo cáo KNK sẵn sàng cho việc kiểm toán. Hướng dẫn thêm về kế hoạch quản lý chất lượng có thể được tìm thấy trong GHG Protocol.²⁶

Sự không chắc chắn trong tính toán KNK.

Việc chuẩn bị kiểm kê KNK bao gồm các nhiệm vụ tính toán và khoa học do tính chất phức tạp của việc thu thập dữ liệu, ước tính lượng phát thải và phân tích tiếp theo của các hoạt động và quy trình khác nhau.

Các doanh nghiệp bắt đầu tính toán lượng khí nhà kính lần đầu tiên có thể gặp phải các vấn đề xung quanh chất lượng của dữ liệu sơ cấp và có thể dựa vào dữ liệu thứ cấp, đặc biệt là các hệ số phát thải. Chính từ những tình huống này mà sự không chắc chắn về phát thải khí nhà kính phát sinh và có thể được phân loại là sự không chắc chắn về mặt khoa học hoặc sự không chắc chắn về ước tính. Doanh nghiệp nên tổng hợp cơ sở cho cả hai loại yếu tố không chắc chắn. Ví dụ, sự không chắc chắn do việc sử dụng các giá trị Tiềm năng nóng lên toàn cầu để kết hợp các ước tính phát thải có thể được coi là không đáng kể vì chúng đã được

²⁶ GHG Protocol Corporate Standard, Chapter 7

xác nhận một cách khoa học. Khi tồn tại những điểm không chắc chắn liên quan đến ước tính, doanh nghiệp nên xem xét phân tích những điểm không chắc chắn này bằng cách sử dụng dữ liệu mẫu chắc chắn (nếu có thể) để biết các thông số và ghi lại mọi vấn đề (ví dụ: việc hiệu chuẩn thiết bị giám sát xăng được sử dụng tại địa điểm cho máy phát điện diesel).

4.5. Bước 5: Theo dõi/giám sát lượng khí thải theo thời gian

Doanh nghiệp phải thiết lập hệ thống theo dõi lượng khí thải theo thời gian. Điều này cho phép doanh nghiệp đánh giá tác động của các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và đánh giá tiến độ thực hiện các cam kết phát thải khí nhà kính liên quan. Việc theo dõi phát thải khí nhà kính theo thời gian bao gồm các yếu tố được mô tả trong các phần sau.

Xác định năm cơ sở

Các doanh nghiệp nên chọn thời điểm phù hợp sớm nhất mà họ có dữ liệu đáng tin cậy làm năm cơ sở. Một số tổ chức quốc tế đã lấy năm 1990 làm năm cơ sở để phù hợp với Nghị định thư Kyoto. Tuy nhiên, việc thu thập dữ liệu đáng tin cậy và có thể kiểm chứng cho những năm cơ sở lịch sử như năm 1990 có thể rất khó khăn. Nếu một doanh nghiệp tiếp tục phát triển thông qua việc mua lại, doanh nghiệp đó có thể áp dụng chính sách thay đổi hoặc chọn năm cơ sở luân phiên (dịch chuyển muộn hơn) để thực hiện việc thống nhất trong phạm vi kiểm kê. Năm cơ sở cố định có ưu điểm là cho phép so sánh dữ liệu phát thải trên cơ sở tương tự trong khoảng thời gian dài hơn so với cách tiếp cận theo năm cơ sở luân phiên. Hầu hết các chương trình đăng ký và kinh doanh phát thải đều yêu cầu thực hiện chính sách năm cơ sở cố định.

Năm cơ sở là khoảng thời gian trong lịch sử mà lượng phát thải của nhà máy được theo dõi. Năm cơ sở được chọn là năm sớm nhất có dữ liệu phát thải KNK có thể kiểm chứng cho phạm vi bắt buộc (Phạm vi 1 và Phạm vi 2). Nhà máy cần thiết lập một năm cơ sở cho lượng phát thải KNK để có thể so sánh trong tương lai. Kiểm kê KNK có thể được cơ sở thực hiện theo năm dương lịch hoặc năm tài chính. Nhưng trong một số trường hợp, có thể phản ánh một khoảng thời gian cụ thể trong một năm hoặc nhiều năm (nếu như vậy phù hợp hơn cho hoạt động của doanh nghiệp). Hình 8 cung cấp một ví dụ về cách chọn năm cơ sở.

Hình 8. Ví dụ về cách chọn năm cơ sở

2018		2019		2020		2021	
Phạm vi 1		Phạm vi 1		Phạm vi 1	4.500	Phạm vi 1	4.500
Phạm vi 2	8.000	Phạm vi 2	8.500	Phạm vi 2	9.000	Phạm vi 2	9.500
Phạm vi 3		Phạm vi 3		Phạm vi 3		Phạm vi 3	11.000

Tính toán lại lượng phát thải năm cơ sở

Các doanh nghiệp phải xây dựng chính sách tính toán lại lượng phát thải trong năm cơ sở và trình bày rõ ràng cơ sở cũng như bối cảnh của bất kỳ việc tính toán lại nào. Nếu có thể, chính sách sẽ nêu rõ bất kỳ “ngưỡng đáng kể” nào được áp dụng để quyết định tính toán lại lượng phát thải trước đây. “Ngưỡng đáng kể” là tiêu chí định tính và/hoặc định lượng được sử dụng để xác định bất kỳ thay đổi đáng kể nào đối với dữ liệu, ranh giới kiểm kê, phương

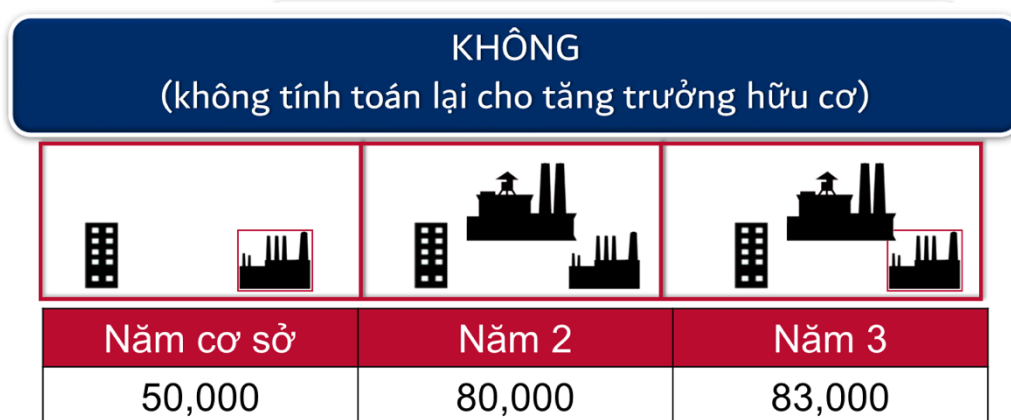
pháp hoặc bất kỳ yếu tố liên quan nào khác. Doanh nghiệp có trách nhiệm xác định “ngưỡng đáng kể” để tính toán lại lượng phát thải của năm cơ sở và công bố nó. Trách nhiệm của người xác minh là xác nhận sự tuân thủ của doanh nghiệp đối với chính sách ngưỡng của mình. Các trường hợp sau đây sẽ phải tính toán lại lượng phát thải năm cơ sở:

- **Những thay đổi về cơ cấu trong tổ chức** báo cáo có tác động đáng kể đến lượng phát thải năm cơ sở của doanh nghiệp. Thay đổi cơ cấu liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu hoặc kiểm soát các hoạt động hoặc hoạt động tạo ra khí thải từ doanh nghiệp này sang doanh nghiệp khác. Mặc dù một thay đổi cơ cấu đơn lẻ có thể không có tác động đáng kể đến lượng phát thải năm cơ sở, nhưng tác động tích lũy của một số thay đổi cơ cấu nhỏ có thể dẫn đến tác động đáng kể. Những thay đổi về cơ cấu bao gồm:
 - Sáp nhập, mua lại và thoái vốn
 - Sử dụng nguồn lực nội bộ và từ bên ngoài cho các hoạt động phát thải
- **Những thay đổi trong phương pháp tính toán hoặc cải tiến về độ chính xác của hệ số phát thải hoặc dữ liệu hoạt động** dẫn đến tác động đáng kể đến dữ liệu phát thải của năm cơ sở
- **Phát hiện các lỗi nghiêm trọng hoặc một số lỗi tích lũy** dẫn đến ảnh hưởng lớn tới kết quả kiểm kê KNK.

Hình 9. Ví dụ về tính toán lại năm cơ sở (1)
Công ty A mở thêm nhà máy để đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng sản xuất

- Nhu cầu về các sản phẩm của Công ty A tăng lên.
- Cần mở một nhà máy mới trong năm thứ 2 để đáp ứng nhu cầu này.

Lượng khí thải năm cơ sở có nên được tính toán lại?






Hình 10. Ví dụ về tính toán lại năm cơ sở (2)

Công ty A mua thêm nhà máy để đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng sản xuất

- Nhu cầu về các sản phẩm của Công ty A tăng lên.
- Mua lại một nhà máy cũ hơn từ Công ty E vào năm thứ 2 để đáp ứng nhu cầu này.

Lượng khí thải năm cơ sở có nên được tính toán lại?

CÓ (tính toán lại cho việc mua lại)		
		
Năm cơ sở	Năm 2	Năm 3
50,000	80,000	83,000

Tóm lại, lượng phát thải năm cơ sở sẽ được tính toán lại hồi tố để phản ánh những thay đổi trong doanh nghiệp mà nếu không sẽ ảnh hưởng đến tính nhất quán và phù hợp của thông tin phát thải KNK được báo cáo. Sau khi doanh nghiệp đã xác định chính sách của mình về cách tính toán lại lượng phát thải trong năm cơ sở, doanh nghiệp sẽ áp dụng chính sách này một cách nhất quán. Ví dụ, phải tính toán lại cả mức tăng và giảm phát thải khí nhà kính.

5. QUY ĐỊNH VỀ BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH TẠI VIỆT NAM

Theo Nghị định 06 và Thông tư 01/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu (Thông tư 01).

Cơ sở báo cáo và thẩm định cụ thể theo hướng dẫn của ngành. Đối với các cơ sở nằm trong lĩnh vực chất thải thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 17. Đối với các cơ sở nằm trong lĩnh vực năng lượng và IPPU thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 38..

5.1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Theo Nghị định 06, các doanh nghiệp cần chuẩn bị Kế hoạch giảm nhẹ khí nhà kính để chỉ ra cách thức họ sẽ giảm phát thải khí nhà kính theo thời gian. Các yêu cầu đối với Kế hoạch giảm thiểu khí nhà kính được mô tả dưới đây

Khung thời gian báo cáo

- **2023-2025:** Các cơ sở có trách nhiệm xây dựng, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở giai đoạn từ năm 2023 đến hết năm 2025 phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của cơ sở.
- **2026-2030:** Các cơ sở có trách nhiệm Xây dựng, phê duyệt kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030, điều chỉnh, cập nhật hằng năm (nếu có) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ quản lý lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Mẫu kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 06, với những nội dung cơ bản sau đây

- Kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở cho năm gần nhất;
- Mức phát thải khí nhà kính dự kiến trong kỳ kế hoạch khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;
- Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến từng năm thực hiện cho giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030;
- Các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được lựa chọn phù hợp với tình hình thực tế, trình độ công nghệ, nguồn lực thực hiện của cơ sở;
- Phương án theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Yêu cầu đối với kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

Các cơ sở xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đảm bảo những tiêu chí sau đây:

- Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở được xây dựng dựa trên tính chất, quy mô hoạt động, công suất, công nghệ hiện có và kế hoạch sản xuất, kinh doanh của cơ sở; kết quả kiểm kê khí nhà kính và dự kiến mức phát thải khí nhà kính trong kỳ kế hoạch;
- Lựa chọn các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được xác định trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định hoặc các biện pháp khác phù hợp với điều kiện về công nghệ, tài chính, mức độ sẵn sàng áp dụng và có thể đo đạc, báo cáo, thẩm định được;

- Phương pháp xác định lượng khí nhà kính giảm được của biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được xây dựng theo các hướng dẫn về phương pháp đo đạc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu công nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- Có phương án theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định về đo đạc, báo cáo và thẩm định

5.2. Khung báo cáo theo Nghị định 06/NĐ-CP/2022

Theo Nghị định 06/ND-CP/2022, các cơ sở phát thải khí nhà kính lớn phải nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính hàng năm cho các bộ quản lý ngành và Bộ TN&MT theo các thủ tục sau:

Báo cáo kết quả kiểm kê KNK

Báo cáo kiểm kê khí nhà kính phải thể hiện đầy đủ thông tin về phương pháp kiểm kê, số liệu hoạt động, hệ số phát thải áp dụng và kết quả kiểm kê khí nhà kính

Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 06 định kỳ hai năm một lần có trách nhiệm như sau:

- Cần cung cấp số liệu hoạt động, thông tin liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính của cơ sở của năm trước kỳ báo cáo theo hướng dẫn của bộ quản lý lĩnh vực trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2023.
- Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 06 gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2025 để thẩm định;
- Hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo bắt đầu từ năm 2025.

Báo cáo kết quả giảm nhẹ phát thải KNK

Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 06 (đồng nghĩa nằm trong Danh sách các cơ sở phát thải lớn quy định tại Quyết định 01) xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hàng năm của năm trước kỳ báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 06, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 06 và cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2027.

Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phải thể hiện đầy đủ, chính xác thông tin về phương pháp đo đạc, số liệu hoạt động, hệ số phát thải áp dụng, giải pháp công nghệ, phương thức quản lý để giảm phát thải khí nhà kính và kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Báo cáo phải bảo đảm tính toàn diện của các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; được xây dựng theo các quy định về biểu mẫu, phương thức và thời gian quy định tại quy trình đo đạc, báo cáo, thẩm định được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

5.3. Quy định về thẩm định theo Nghị định 06 và Thông tư 01

Các thông tin cơ bản về quy trình thẩm định được đề cập trong Nghị định số 06/2022/NĐ-CP. Quy trình thẩm định chi tiết kết quả kiểm kê khí nhà kính và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí

nhà kính được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại chương III, Thông tư Số 01/2022/TT-BTNMT, quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các bước doanh nghiệp cần chú ý trong quy trình thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được đề cập trong hai phần dưới đây.

Thẩm định kết quả kiểm kê KNK

Thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính tuân thủ trình tự thẩm định do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy.

Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 06 có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 06 gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 3 kể từ năm 2025 để thẩm định;
- Hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở (sau khi có kết quả thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01 tháng 12 của kỳ báo cáo bắt đầu từ năm 2025.

Thẩm định kết quả giảm nhẹ phát thải KNK

Thẩm định báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do đơn vị đủ điều kiện thực hiện theo trình tự do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tại Điều 14 Nghị định 06/2022/NĐ-CP thực hiện hằng năm kể từ năm 2026, tuân thủ các hướng dẫn chi tiết của các bộ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 06. Kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được cơ quan có thẩm quyền công bố.

Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 06 có trách nhiệm:

- Gửi báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của cơ sở đến đơn vị thẩm định. Sau đó, đơn vị thẩm định sẽ tổ chức thực hiện thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và gửi báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tới cơ sở.
- Sau khi nhận được báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, cơ sở gửi báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được hoàn thiện kèm theo báo cáo thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ quản lý lĩnh vực.